

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị
sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10584/TTr-STC ngày 15 tháng 10 năm 2025 và Tờ trình số 10766/TTr-STC ngày 20 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt phân loại mức độ tự chủ tài chính: Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Kinh phí Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị: Không (tại thời điểm quyết định giao quyền tự chủ tài chính chưa xác định được kinh phí Nhà nước đặt hàng).

3. Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên: Không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan

về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo và việc đảm bảo nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tuân thủ tiêu chuẩn, điều kiện phân loại mức độ tự chủ tài chính theo đúng quy định của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định).

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tương ứng với mức độ tự chủ được phân loại, đúng theo các quy định về dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, giá, phí dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời:

a) Đối với các đơn vị nhóm 3 (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp): Có trách nhiệm phát triển nguồn thu hoạt động sự nghiệp và dịch vụ để thực hiện lộ trình nâng mức độ tự chủ tài chính theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ.

b) Đối với các đơn vị nhóm 2: Có trách nhiệm tiếp tục thực hiện theo các quy định về cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, không được điều chỉnh phân loại sang đơn vị nhóm 3 hoặc nhóm 4 trong giai đoạn ổn định phân loại được phê duyệt (2026 - 2030) hoặc sau giai đoạn ổn định, trừ trường hợp bất khả kháng do nguyên nhân khách quan (như thiên tai, dịch bệnh) hoặc được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật dẫn đến biến động nguồn thu của đơn vị và làm thay đổi mức độ tự chủ.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; thường xuyên rà soát để tham mưu nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm 3; hằng năm thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công theo quy định.

b) Có văn bản hướng dẫn các sở, ngành quản lý các lĩnh vực phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ.

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có), làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan, qua đó thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý.

c) Có trách nhiệm phổ biến Quyết định này đến các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính; đồng thời, báo cáo kết quả nội dung tham mưu đã được phê duyệt tại Quyết định này tại phiên họp gần nhất của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện thống nhất cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo minh bạch, công khai, đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả tự chủ tài chính.

5. Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh được giao quyền tự

chủ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'atmh', written over a horizontal line.

Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục:

GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028						Năm 2029						Năm 2030										
		Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ							
				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%		Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%			
Tổng số		38 đơn vị						38 đơn vị						38 đơn vị						37 đơn vị						37 đơn vị										
Phân loại đơn vị sự nghiệp		-	32	6	-	6	-	-	-	32	6	-	6	-	-	-	32	6	2	4	-	-	-	31	6	2	4	-	-	-	31	6	2	4	-	-
	Chi tiết như sau:																																			
I	Lĩnh vực đào tạo	6 đơn vị						6 đơn vị						6 đơn vị						6 đơn vị						6 đơn vị										
	Phân loại đơn vị	-	-	6	-	6	-	-	-	-	6	-	6	-	-	-	-	6	2	4	-	-	-	-	6	2	4	-	-	-	-	6	2	4	-	-
1	Trường Đại học Hồng Đức			1		1					1		1					1	1					1	1					1	1					
2	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch			1		1					1		1					1	1						1	1					1	1				
3	Trường Cao đẳng Y tế			1		1					1		1					1		1					1		1			1		1				
4	Trường Cao đẳng Công nghiệp			1		1					1		1					1		1					1		1			1		1				
5	Trường Cao đẳng Nông nghiệp			1		1					1		1					1		1					1		1			1		1				
6	Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn			1		1					1		1					1		1					1		1			1		1				
II	Lĩnh vực kinh tế khác	32 đơn vị						32 đơn vị						32 đơn vị						31 đơn vị						31 đơn vị										
Phân loại đơn vị		-	32	-	-	-	-	-	32	-	-	-	-	-	-	32	-	-	-	-	-	-	-	31	-	-	-	-	-	-	31	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028						Năm 2029						Năm 2030						
		Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ			
				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%		Tổng số	70%-100%	30%-70%
1	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa		1						1							1							1									
2	Viện Quy hoạch - Kiến trúc		1						1							1							1									
3	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa		1						1							1							1									
4	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa		1						1							1							1									
5	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT Thanh Hóa		1						1							1							1									
6	Ban QLDA ĐTXD khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa		1						1							1																
7	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thạch Thành		1						1							1							1									
8	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nga Sơn		1						1							1							1									
9	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bim Sơn		1						1							1							1									
10	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bá Thước		1						1							1							1									
11	Ban QLDA ĐTXD khu vực Triệu Sơn		1						1							1							1									

STT	Tên đơn vị	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028						Năm 2029						Năm 2030									
		Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ						
				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%		Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%		
12	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thọ Xuân		1						1							1							1							1					
13	Ban QLDA ĐTXD khu vực Vĩnh Lộc		1						1							1							1							1					
14	Ban QLDA ĐTXD khu vực Ngọc Lặc		1						1							1							1							1					
15	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung		1						1							1							1							1					
16	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hậu Lộc		1						1							1							1							1					
17	Ban QLDA ĐTXD khu vực Yên Định		1						1							1							1							1					
18	Ban QLDA ĐTXD khu vực Mường Lát		1						1							1							1							1					
19	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nông Cống		1						1							1							1							1					
20	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hoằng Hóa		1						1							1							1							1					
21	Ban QLDA ĐTXD khu vực Lang Chánh		1						1							1							1							1					
22	Ban QLDA ĐTXD khu vực Như Xuân		1						1							1							1							1					
23	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thiệu Hóa		1						1							1							1							1					

STT	Tên đơn vị	Năm 2026							Năm 2027							Năm 2028							Năm 2029							Năm 2030						
		Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX				NSNN đảm bảo toàn bộ							
				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%				Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%		Tổng số	70%-100%	30%-70%	10%-30%			
24	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thường Xuân		1						1							1						1							1							
25	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quảng Xương		1						1							1						1							1							
26	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quan Sơn		1						1							1						1							1							
27	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quan Hóa		1						1							1						1							1							
28	Ban QLDA ĐTXD khu vực Đông Sơn		1						1							1						1							1							
29	Ban QLDA ĐTXD khu vực Sầm Sơn		1						1							1						1							1							
30	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghi Sơn		1						1							1						1							1							
31	Ban QLDA ĐTXD khu vực Như Thanh		1						1							1						1							1							
32	Ban QLDA ĐTXD khu vực Cẩm Thủy		1						1							1						1							1							